CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: /BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Thực hiện Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần xi măng Phú Thọ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025:

1. Cơ cấu nhân sự HĐQT năm 2025

1. Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Tuấn Đạt - Thành viên HĐQT – TGĐ Công ty
3. Ông Phạm Quang Anh - TV HĐQT không điều hành
4. Ông Nguyễn Khắc Lâm - TV HĐQT không điều hành
5. Ông Tạ Trung Hiếu - TV HĐQT độc lập

2. Hoạt động của HĐQT:

Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ SXKD của Công ty, Hàng tháng các thành viên HĐQT đã họp giao ban cùng Ban TGĐ, thủ trưởng các đơn vị, BCH Đảng bộ và trưởng các đoàn thể trong Công ty để nắm bắt tình hình SXKD và có sự chỉ đạo kịp thời:

Trong năm 2025 HĐQT đã ban hành các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
Ký ngày: 19/6/2026 16:10:52

1	01/BB-HĐQT	07/01/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 12 năm 2024 - HĐQT thông qua Kế hoạch SXKD tháng 01 năm 2025 - HĐQT lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên về việc chấp thuận các Hợp đồng và các giao dịch có tổng giá trị nhỏ hơn 35% giá trị tổng tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với các đối tác là người nội bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến người nội bộ năm 2025	100 % các TV HĐQTcó mặt dự họp
2	08/NQ-HĐQT	09/01/2025	Thông qua Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tác là người nội bộ và các tổ chức cá nhân có liên quan đến người nội bộ năm 2025	
3	11/TrNQ-HĐQT	11/02/2025	- Ban TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 1 năm 2025. - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 2 năm 2025.	
4	33/BB-HĐQT	03/03/2025	- Ban TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 2 năm 2025. - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 3 năm 2025.	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
5	61/BB-HĐQT	08/04/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 03 năm 2025 - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 4 năm 2025. - HĐQT Thống nhất gia hạn thời gian tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, tổ chức trong tháng 05/2025	

6	62/NQ-HĐQT	09/04/2025	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	
7	89/BBHĐQT	05/05/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 04 năm 2025 - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 5 năm 2025. - HĐQT Thống nhất thời gian tổ chức chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, tổ chức vào ngày 25/05/2025	
8	122/Tr.NQHĐQT	09/06/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 05 năm 2025 - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 6 năm 2025.	
9	127/THYK-HĐQT	17/06/2025	Tổng hợp ý kiến các thành viên HĐQT về việc thanh lý sắt phế liệu và vật tư hỏng không còn giá trị sử dụng	
10	131/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Về việc phê duyệt KHSXKD năm 2025	
11	132/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Về việc chi trả thù lao HĐQT, thư ký HĐQT, và Ban kiểm soát năm 2025	
12	143/TrNQ-HĐQT	07/07/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 06 năm 2025 - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 7 năm 2025.	
13	179/TrNQ-HĐQT	05/08/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 07 năm 2025 - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 8 năm 2025.	
14	218/TrNQ-HĐQT	08/09/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 08 năm 2025 - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 9 năm 2025.	

15	245/TrNQ-HĐQT	06/10/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 09 năm 2025 - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 10 năm 2025.	
16	246/TrNQ-HĐQT	03/11/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 10 năm 2025 - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 11 năm 2025.	
17	347/TrNQ-HĐQT	08/12/2025	- TGĐ Báo cáo kết quả SXKD tháng 11 năm 2025 - HĐQT nghe Ban TGĐ trình bày kế hoạch SXKD tháng 12 năm 2025.	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các chuẩn mực quản trị công ty áp dụng. Cơ chế giám sát được triển khai thông qua hệ thống báo cáo định kỳ và đột xuất, bảo đảm Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời, đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các rủi ro phát sinh cũng như các vấn đề trọng yếu trong công tác điều hành.

Ban Tổng Giám đốc, đứng đầu là Tổng Giám đốc, đã duy trì cơ chế báo cáo minh bạch, chủ động và có trách nhiệm giải trình cao; đồng thời kịp thời đề xuất các giải pháp xử lý đối với những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng định hướng, phản biện và ban hành các quyết sách phù hợp, bảo đảm cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc được triển khai nhất quán theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Vai trò điều hành được phát huy theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực quản trị nội bộ.

Công tác quản trị công ty và công bố thông tin được thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các quy định đối với công ty đại chúng, bảo đảm nguyên tắc minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan. Thông tin được công bố đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn.

Trong bối cảnh môi trường kinh tế vĩ mô và địa chính trị có nhiều biến động, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động theo dõi, phân tích và dự báo các yếu tố tác động; kịp thời tham mưu Hội đồng quản trị các giải pháp điều hành phù hợp, linh hoạt, qua đó duy trì ổn định hoạt động và hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững.

4. Hoạt động của chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trong năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã chủ trì, tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị theo đúng trình tự, thủ tục; bảo đảm việc chuẩn bị nội dung, tài liệu và điều hành cuộc họp theo quy định. Đồng thời, thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ; tham gia đầy đủ các cuộc họp, nghiên cứu tài liệu, thảo luận và đóng góp ý kiến độc lập, khách quan đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị phát huy vai trò giám sát, định hướng chiến lược, bảo đảm các quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

5. Giao dịch với các bên có liên quan.

Trong năm 2025 HĐQT đã đồng ý uỷ quyền cho TGĐ ký kết hợp đồng giao dịch với các đối tác là người nội bộ và có liên quan đến người nội bộ Công ty, được thực hiện phù hợp với quy định của luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và được tuân thủ đúng nguyên tắc Công bố thông tin. Danh sách các giao dịch giữa Công ty với người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ đã được thống kê, trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025. Các báo cáo trên đã được công bố tại Công thông tin điện tử của Uỷ ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và trang thông tin điện tử của Công ty.

II. Tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, tài chính năm 2025 cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh	
						Cùng kỳ	Kế hoạch năm
			(1)	(2)	(3)	(4)=3/1	(5)=3/2
1	Mua clinker	Tấn	99.747	106.000	91.916	92,15	86,71
2	SX xi măng các loại	Tấn	180.258	190.000	161.566	89,63	85,03
3	Tiêu thụ xi măng	Tấn	179.924	190.000	161.172	89,58	84,83
4	SX đá các loại	m^3	61.791	96.000	59.739	96,68	62,23
5	Doanh thu	Tỷ.đ	159,641	167,123	152,636	95,61	91,33
6	Thu nhập bình quân người lao động	Tr.đ/ ng/th	5,8	7,2	6,5	112,07	90,28
7	Đóng bảo hiểm	%NLĐ	100	100	100	100	100

8	Kết quả SXKD lãi (lỗ)	Tỷ.đ	(2,395)	(35,685)	(42,338)	-1.767,8	-1.186,4

2. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2025: Được thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

**** Thù lao HĐQT:*** Tổng chi 276.000.000 đồng.

+ Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/người/tháng.
- Các thành viên HĐQT khác (04 thành viên): 4.000.000 đồng/người/tháng.
- Thư ký HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng

**** Thù lao Ban Kiểm soát:*** Tổng chi 96.000.000 đồng.

+ Trong đó:

- Trưởng Ban Kiểm soát: 4.000.000 đồng/ngươi/tháng.
- Các thành viên khác (02 thành viên): 2.000.000 đồng/người/tháng.

3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025

HĐQT đã lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty là: Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, trụ sở chính tại số 8 Phố Cát Linh – Phương Cát Linh - Quận Đống đa - TP Hà Nội là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026:

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2026
I	**Sản lượng sản xuất**		
1	Clinker mua	Tấn	69.376
2	Xi măng các loại	Tấn	120.000
3	Đá các loại	m^3	20.000
II	**Sản lượng tiêu thụ**		
1	Xi măng các loại	Tấn	120.000
III	**Doanh thu tiêu thụ sản phẩm**	Tỷ. đ	117,552
IV	**Thu nhập bình quân người lao động**	Tr.đ/ng/th	6,8
V	**Kết quả SXKD:** Lãi (Lỗ)	Tỷ. đ	(43,936)

2. Kế hoạch XDCB:

(*Kế hoạch XDCB được bố trí các hạng mục thực sự cần thiết căn cứ vào nguồn tài chính thu xếp được*).

3. Các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm:

Để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2026, HĐQT xác định những nhiệm vụ chính cần thực hiện như sau:

- Chỉ đạo Rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức, giảm tầng nấc trung gian; nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm của các đơn vị; tối ưu hóa nguồn lực nhằm cải thiện năng suất và hiệu quả vận hành.
- Chỉ đạo tổ chức sản xuất ổn định, bảo đảm an toàn cho người lao động và thiết bị; đồng thời nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phát huy tối đa công suất của máy móc, thiết bị hiện có.

- Chỉ đạo thường xuyên theo dõi, phân tích diễn biến thị trường để kịp thời xây dựng phương án mở rộng, phát triển các thị trường tiềm năng; hoàn thiện cơ chế bán hàng, xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm phù hợp; định kỳ đánh giá năng lực các nhà phân phối cấp I.

- Chỉ đạo đảm bảo chủ động nguồn nguyên liệu chiến lược. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến vùng nguyên liệu; xây dựng nền tảng cung ứng ổn định, dài hạn, đáp ứng yêu cầu sản xuất và định hướng tăng trưởng.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Nơi nhận:
- ĐHĐCD thương niên năm 2026;
- Lưu Công ty.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Triệu Quang Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /BC-TGĐ	*Thanh Ba, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần xi măng phú thọ

A. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. Đặc điểm tình hình.

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh môi trường kinh tế vĩ mô và địa chính trị quốc tế tiếp tục có nhiều biến động phức tạp, khó lường, tác động đến chuỗi cung ứng, chi phí đầu vào và nhu cầu tiêu thụ. Trong nước, thị trường bất động sản phục hồi chậm, thanh khoản thấp đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu vật liệu xây dựng, trong đó có sản phẩm xi măng.

Ngành xi măng tiếp tục đối mặt với tình trạng dư cung, cạnh tranh gia tăng và áp lực về giá bán; đồng thời, một số yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất chưa thực sự ổn định, bao gồm nguồn cung phụ gia và nguyên liệu đặc thù, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và tối ưu chi phí của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó Hội đồng quản trị đã kịp thời định hướng chiến lược, chỉ đạo thực hiện các giải pháp điều hành linh hoạt, tập trung vào mục tiêu duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chi phí và bảo đảm hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai quyết liệt các giải pháp, tăng cường quản trị vận hành, chủ động thích ứng với biến động thị trường.

Cùng với đó, tập thể người lao động trong Công ty đã phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm, góp phần duy trì hoạt động sản xuất ổn định và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty trong điều kiện thị trường còn nhiều thách thức.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh	
						Cùng kỳ	Kế hoạch năm

			(1)	(2)	(3)	(4)=3/1	(5)=3/2
1	Mua clinker	Tấn	99.747	106.000	91.916	92,15	86,71
2	SX xi măng các loại	Tấn	180.258	190.000	161.566	89,63	85,03
3	Tiêu thụ xi măng	Tấn	179.924	190.000	161.172	89,58	84,83
4	SX đá các loại	m^3	61.791	96.000	59.739	96,68	62,23
5	Doanh thu	Tỷ.đ	159,641	167,123	152,636	95,61	91,33
6	Thu nhập bình quân người lao động	Tr.đ/ ng/th	5,8	7,2	6,5	112,07	90,28
7	Đóng bảo hiểm	%NLĐ	100	100	100	100	100
8	Kết quả SXKD lãi (lỗ)	Tỷ.đ	(2,395)	(35,685)	(42,338)	118,64	118,64

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Về tài chính:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty lỗ 42.339 triệu đồng tăng lỗ 39.944 triệu đồng so với năm 2024 (lỗ 2.395 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2025 là: 152.636 triệu đồng giảm so với năm 2024 (159.641 triệu đồng) là: 4,39% tương ứng với 7.005 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của năm 2025 là: 161.142 tấn xi măng các loại giảm so với năm 2024 (179.922,21 tấn) là 18.780,21 tấn tương đương giảm 10,44%. Giá vốn hàng bán giảm từ 162.680 triệu đồng của năm 2024 xuống còn 157.640 triệu đồng năm 2025 (giảm 3,1 % tương ứng giảm 5.040 triệu đồng. Năm 2025, giá một số loại nguyên vật liệu tuy không biến động nhiều so với năm 2024 nhưng do nhu cầu xi măng trên thị trường chưa được cải thiện nhiều cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nên tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn.

+ Chi phí bán hàng của năm 2025 là: 1.651 triệu đồng tăng 61 triệu đồng so với năm 2024 (1.589 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2025 (12.633 triệu đồng) tăng 1.267 triệu đồng so với năm 2024 (11.366 triệu đồng).

+Chi phí tài chính năm 2025 là: 23.391 triệu đồng tăng 718 triệu đồng so với năm 2024 (22.674 triệu đồng).

+ Lợi nhuận khác năm 2025 là 339,5 triệu đồng giảm so với năm 2024 là 35.933 triệu đồng. Từ đó làm cho tổng lợi nhận kế toán trước thuế năm 2025 giảm 39.944 triệu đồng so với năm 2024.

Về sản xuất:

Do gặp khó khăn về tài chính, cùng với việc giá các yếu tố đầu vào chủ yếu như than, điện, dầu duy trì ở mức cao, trong năm 2025 Công ty đã tạm dừng vận hành

dây chuyền sản xuất clinker nhằm tối ưu chi phí sản xuất. Thay vào đó, Công ty thực hiện phương án mua clinker từ các nhà cung cấp bên ngoài với tổng khối lượng 91.916 tấn để phục vụ hoạt động sản xuất.

Việc chuyển đổi phương án sản xuất này giúp Công ty giảm áp lực chi phí cố định trong ngắn hạn, tuy nhiên cũng làm gia tăng mức độ phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài và có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận do biến động giá mua clinker trên thị trường. Trước thực tế đó, Công ty đã tăng cường công tác lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp và đàm phán giá, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến hiệu quả kinh doanh.

Đối với nguồn nguyên liệu, các mỏ sét và phụ gia thuộc quyền khai thác của Công ty đã cơ bản khai thác hết phần trữ lượng có thể sử dụng. Do đó, trong kỳ, Công ty đã chủ động chuyển sang phương án thu mua nguyên liệu từ các đối tác bên ngoài nhằm bảo đảm duy trì ổn định hoạt động sản xuất.

Việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu bên ngoài đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác quản trị chuỗi cung ứng, đặc biệt là rủi ro về giá cả, chất lượng và tính ổn định của nguồn cung. Trong bối cảnh đó, Công ty định hướng đa dạng hóa nguồn cung, thiết lập quan hệ hợp tác dài hạn với các đối tác chiến lược, đồng thời tiếp tục đẩy nhanh các thủ tục pháp lý liên quan đến vùng nguyên liệu nhằm từng bước nâng cao mức độ tự chủ, bảo đảm tính bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về tiêu thụ:

Trong năm 2025, sản lượng tiêu thụ của Công ty đạt 89,58% so với cùng kỳ, ghi nhận xu hướng giảm so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự suy giảm nhu cầu xi măng trên thị trường nội địa trong bối cảnh thị trường bất động sản phục hồi chậm, hoạt động đầu tư xây dựng dân dụng chưa có dấu hiệu tăng trưởng rõ nét. Bên cạnh đó, sản lượng tiêu thụ xi măng và clinker xuất khẩu cũng giảm, trong khi nguồn cung trên thị trường vẫn duy trì ở mức cao, dẫn đến tình trạng dư cung và gia tăng áp lực cạnh tranh trong toàn ngành.

Đối với Công ty, thị trường tiêu thụ chủ yếu tập trung vào phân khúc dân dụng, do đó chịu áp lực cạnh tranh trực tiếp từ các sản phẩm xi măng giá rẻ trên thị trường. Điều này làm gia tăng mức độ cạnh tranh về giá, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng thị phần tiêu thụ.

Trong bối cảnh đó, Công ty tiếp tục tập trung vào các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, bao gồm tối ưu hóa chính sách bán hàng, tăng cường kiểm soát chi phí, củng cố hệ thống phân phối và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng nhằm duy trì thị phần và từng bước cải thiện hiệu quả tiêu thụ trong thời gian tới.

III. Kết quả hoạt động khác:

- *Đảng bộ Công ty:* Được công nhận Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ
- *Công đoàn cơ sở:* Đươc công nhận vững mạnh.
- *Đoàn thanh niên cơ sở:* Đạt vững mạnh
- *Hội cựu chiến binh:* Đạt vững mạnh.

IV. Đánh giá chung:

1. Ưu điểm

Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn và thách thức, tập thể cán bộ, đảng viên và người lao động trong Công ty đã phát huy tinh thần đoàn kết, nỗ lực, chia sẻ khó khăn, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đã thể hiện vai trò điều hành, định hướng kịp thời, linh hoạt và quyết liệt trong công tác chỉ đạo. Trên cơ sở bám sát diễn biến thị trường và tình hình thực tế, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp phù hợp, góp phần duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong điều kiện khó khăn.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh các kết quả đạt được, hoạt động trong năm vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục khắc phục, cụ thể:

- Công tác đối chiếu và thu hồi công nợ chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng, ảnh hưởng đến dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

- Công tác phối hợp giữa các bộ phận, đơn vị trong một số thời điểm chưa thực sự chặt chẽ; việc phân công và xác định trách nhiệm đôi lúc chưa rõ ràng, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai công việc chung.

B. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026:

I. Kế hoạch năm 2026:

1. Mục tiêu SXKD:

Năm 2026, Công ty xác định mục tiêu trọng tâm là duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả vận hành và từng bước cải thiện hiệu quả tài chính trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Cụ thể:

- Duy trì hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả của hệ thống thiết bị tại Nhà máy và Chi nhánh; bảo đảm tính liên tục trong sản xuất và cung ứng sản phẩm.

- Nỗ lực ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, góp phần duy trì đời sống và động lực làm việc của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty.

- Tăng cường các giải pháp quản trị chi phí, thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất – kinh doanh trên cơ sở tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao hiệu suất sử dụng nguồn lực.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, thiết bị trong quá trình sản xuất; đồng thời tăng cường công tác quản trị rủi ro và bảo toàn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Kế hoạch SXKD:

- Doanh thu: 117,552 tỷ đồng
- Mua clinker: 69.376 tấn
- Sản xuất và tiêu thụ xi măng đạt: 120.000 tấn
- Sản xuất đá các loại: 20.000 m^3
- Nộp bảo hiểm xã hội cho 100% người lao động
- Thu nhập bình quân người lao động đạt trên 6,8 triệu đồng/người/tháng.
- Kết quả SXKD: Dự kiến lỗ: -43,936 tỷ đồng.

3. Kế hoạch XDCB:

(*Kế hoạch XDCB được bố trí các hạng mục thực sự cần thiết căn cứ vào nguồn tài chính thu xếp được*).

II. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

1. Giải pháp về nguồn lực:

- Về tài chính: Trong điều kiện hiện nay Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng các kênh huy động vốn hợp pháp từ nhà phân phối, đối tác và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đảm bảo nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Về nhân lực: Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, đào tạo lại; thực hiện tinh gọn bộ máy quản lý, tăng cường kỷ luật lao động; rà soát, đánh giá và bố trí nhân sự phù hợp, gắn với trách nhiệm cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ

2. Giải pháp về sản xuất:

- Tại dây chuyền sản xuất clinker: Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, tuần tra, canh gác nhằm đảm bảo an toàn tài sản, thiết bị; phòng ngừa rủi ro mất mát, hư hỏng trong điều kiện dây chuyền tạm dừng hoạt động.

- Tại phân xưởng Thành Phẩm: Duy trì vận hành hệ thống thiết bị an toàn, ổn định; đảm bảo chất lượng xi măng, màu sắc sản phẩm theo tiêu chuẩn; đồng thời tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.;

- Tại chi nhánh KTNVL: Tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện thủ tục cấp phép khai thác và sử dụng khoáng sản đi kèm; đồng thời nghiên cứu, cải tạo hệ thống trạm nghiền nhằm nâng cao năng suất, giảm tiêu hao điện năng và tối ưu hiệu quả vận hành;

3. Giải pháp tiêu thụ:

Trước bối cảnh thị trường xi măng tiếp tục đối mặt với áp lực dư cung, cạnh tranh về giá và nhu cầu tiêu thụ chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh, Công ty xác định hoạt động tiêu thụ năm 2026 sẽ tập trung theo hướng linh hoạt, mở rộng có chọn lọc và nâng cao hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai chính sách bán hàng linh hoạt theo từng khu vực và nhóm khách hàng; củng cố hệ thống phân phối, nâng cao hiệu quả hợp tác và kiểm soát thị trường.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường mới, mở rộng kênh tiêu thụ, bao gồm thị trường dân dụng và dự án; tăng cường marketing, chăm sóc khách hàng và xây dựng thương hiệu.

- Đồng thời kiểm soát chặt chi phí bán hàng, tối ưu chuỗi cung ứng nhằm nâng cao hiệu quả tiêu thụ.

4. Công tác đoàn thể:

Các tổ chức đoàn thể trong Công ty tiếp tục bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để triển khai hoạt động. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người lao động chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty; phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, cùng Công ty vượt qua khó khăn và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Trên đây là Báo cáo hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026. Kính mong được các Quý cổ đông thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
- Lưu Công ty.

CÔNG TY CP XI MĂNG PHÚ THỌ
Tổng giám đốc

Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /XMPT - TCKT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	----------★----------
	Thanh Ba, ngày tháng 5 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2025, phương án sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025, Phòng tài chính kế toán kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ một số nội dung chính sau đây:

I. Tình hình tài chính năm 2025:

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
1	Sản lượng xi măng sản xuất	Tấn	180.258	161.567	↓ 10,4%
2	Sản lượng Clinker SX + mua	Tấn	99.747	91.917	↓ 7,8%
3	Sản lượng xi măng tiêu thụ	Tấn	179.924	161.172	↓ 10,4%
4	Tổng tài sản	Tr.đ	317.677	285.160	↓ 10,2%
-	Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	60.613	56.080	↓ 7,5%
-	Tài sản dài hạn	Tr.đ	257.064	229.080	↓ 10,9%
5	Tổng nguồn vốn	Tr.đ	317.677	285.160	↓ 10,2%
-	Nợ phải trả	Tr.đ	634.973	644.795	↑ 1,5%
-	*Nợ ngắn hạn*	*Tr.đ*	*595.973*	*617.295*	↑ 3.6%
-	*Nợ dài hạn*	*Tr.đ*	*39.000*	*27.500*	↓ 29,5%
-	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	(317.296)	(359.635)	↓ 13,3%
6	Doanh thu thuần	Tr.đ	159.641	152.636	↓ 4,4%
7	Lợi nhuận	Tr.đ	(2.395)	(42.339)	↓ 1.767,8%
8	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn		0,10	0,09	↓ 10,0%
9	Khả năng thanh toán nhanh		0,07	0,06	↓ 14,3%

2. Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Trong năm 2025, nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của các cuộc xung đột quân sự : Nga – Ucraina, Israel – Hamas, nội chiến Myanmar..... Nền kinh tế trong nước cũng bị ảnh hưởng lớn do xuất nhập khẩu bị ách tắc, giá cả hàng hóa – vật tư – nguyên nhiên vật liệu giữ ở mức cao, đời sống thu nhập của người lao động bị sụt giảm. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách (gia hạn nộp thuế, giảm thuế GTGT, miễn giảm tiền thuê đất...) để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế duy trì sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn trong giai đoạn, tạo đà phát triển cho năm sau.

- Chất lượng sản phẩm được giữ vững, sản phẩm của Công ty có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu "Xi măng Vĩnh Phú" và "Xi măng Thanh Ba" chiếm được niềm tin của người tiêu dùng .

b. Khó khăn:

- Năm 2025, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của các cuộc xung đột quân sự : Nga – Ucraina, Israel – Hamas, nội chiến Myanmar ....., giá cả nguyên vật liệu đầu vào của ngành sản xuất vật liệu xây dựng giữ ở mức cao làm cho giá thành và giá bán cao, dẫn đến ảnh hưởng lớn đến đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản. Khối lượng xây dựng giảm, nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng giảm, trong đó có xi măng. Dự báo, tiêu thụ xi măng năm 2026 sẽ còn gặp nhiều khó khăn ở cả xuất khẩu và nội địa, mức tăng trưởng thấp hoặc chỉ tương đương năm 2025; chênh lệch cung lớn hơn cầu về xi măng ngày càng lớn do một số nhà máy công suất lớn tiếp tục được hoàn thiện và đi vào hoạt động.

- Các nhân tố vĩ mô ảnh hưởng đến SXKD: Dự báo năm 2026, tình hình kinh tế cả nước vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng đầu tư không có nhiều đột biến, thị trường bất động sản không có nhiều tín hiệu tích cực. Bên cạnh đó, dự báo năm 2026 nguồn cung xi măng ra thị trường sẽ tiếp tục tăng lên, công suất toàn nghành dự báo đạt 130 triệu tấn, ngành xi măng sẽ dư cung từ 20% - 30% so với nhu cầu, làm tăng áp lực tiêu thụ của của toàn ngành xi măng, đặc biệt là áp lực tiêu thụ trong xuất khẩu xi măng.

Ngoài những yếu tố thuận lợi giúp Công ty phát triển bền vững thì tình hình tài chính của Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn:

- Dây chuyền sản xuất clanhke lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clanhke/ngày đang tam dừng hoạt động.

- Giá thành sản xuất sản phẩm ở mức cao do nhiều yếu tố chủ quan lẫn khách quan, trong đó bị tác động do yếu tố nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng cao và yếu tố kỹ thuật , quy trình công nghệ.

- Các nhà cung cấp và nhà phân phối đang hạn chế cung cấp nguyên vật liệu đầu vào do không đáp ứng được các điều khoản thanh toán (nợ phải trả tăng) do không vay được vốn lưu động.

3. Quan hệ với các tổ chức tín dụng và các khách hàng :

STT	Đối tượng khách nợ	Đơn vị	Công nợ tính đến 31/12/2025
1	**Gốc vay ngắn hạn**	**Đồng**	**11.374.442.584**
-	*Ngân hàng BIDV*	*Đồng*	*11.374.442.584*
2	**Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân**	**Đồng**	**260.765.600**
3	**Gốc vay dài hạn trả các năm tiếp theo**	**Đồng**	**228.260.123.990**
	- Ngân hàng Phát triển	*Đồng*	*92.619.272.092*
	- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	*Đồng*	*68.563.649.348*
	- Ngân hàng Quốc tế	*Đồng*	*62.077.202.550*
	- Tổ chức, cá nhân khác	*Đồng*	*5.000.000.000*
4	**Nợ lãi vay dài hạn**	**Đồng**	**244.885.989.553**
	- Ngân hàng Quốc tế	*Đồng*	*65.490.100.549*
	- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	*Đồng*	*60.007.072.017*
	- Ngân hàng Phát triển	*Đồng*	*119.388.816.987*

II. Phương án sản xuất kinh doanh năm 2026:

1. Tình hình kinh tế - xã hội :

Năm 2026 được đánh giá là năm tiếp tục khó khăn đối với ngành xi măng cả nước nói chung và xi măng Phú Thọ nói riêng. Theo đánh giá, áp lực tiêu thụ xi măng năm 2026 cao hơn năm 2025 khi mà nguồn cung của thị trường tăng thêm do sự xuất hiện của các nhà máy xi măng mới công suất lớn, xuất khẩu có nhiều tín hiệu khả quan nhưng khả năng chưa đáp ứng được kỳ vọng , trong khi dự báo nhu cầu xi măng tiêu thụ nội địa năm 2026 tăng không đáng kể.

2. Mục tiêu, định hướng :

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là mục tiêu chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền

vững. Giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu "Xi măng Vĩnh Phú", "Xi măng Thanh Ba".

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ %
A	B	C	D	E	F=E/D
1	**Sản lượng sản xuất sản phẩm**				
1.1	Clinker SX + mua	Tấn	91.917	69.376	75,5
1.2	Xi măng	Tấn	161.567	120.000	74,3
1.3	Đá khách hàng	M3	35.242	20.000	56,8
2	**Sản lượng tiêu thụ**				
2.1	Xi măng các loại	Tấn	161.172	120.000	74,5
2.2	Đá khách hàng	M3	35.242	20.000	56,8
3	**Doanh thu tiêu thụ sản phẩm**	**Tr. đồng**	**152.636**	**117.552**	**77,0**
3.1	Xi măng các loại	Tr. đồng	147.195	114.462	77,8
3.2	Đá khách hàng+ khác	Tr. đồng	5.441	3.090	56,8
4	**Giá vốn hàng bán**	**Tr. đồng**	**157.640**	**132.221**	**83,8**

4.1	Xi măng các loại	Tr. đồng	154.051	129.131	83,8
4.2	Đá khách hàng + khác	Tr. đồng	3.589	3.090	86,1
5	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**Tr. đồng**	**12.633**	**9.149**	**72,4**
6	**Chi phí bán hàng**	**Tr. đồng**	**1.650**	**1.358**	**82,3**
7	**Doanh thu tài chính**	**Tr. đồng**	**0,6**	**0**	**-**
8	**Chi phí tài chính**	**Tr. đồng**	**23.391**	**18.760**	**80,2**
9	**Lợi nhuận khác**	**Tr. đồng**	**340**	**0**	**-**
10	**Kết quả sản xuất kinh doanh**	**Tr. đồng**	**(42.338)**	**(43.936)**	**103,8**

(Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt)

3. Các giải pháp tài chính cần thực hiện trong năm 2026 :

Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện trong những năm qua và Kế hoạch sản xuất kinh năm 2026, để giải quyết được vấn đề khó khăn về tài chính cần phải giải quyết được vấn đề mất cân đối nguồn vốn và lỗ lũy kế (lỗ lũy kế đến 31/12/2025 là 489.484 triệu đồng). Đây là vấn đề mấu chốt quan trọng cần phải thực hiện ngay. Đánh giá được các tồn tại, các hạn chế và các mặt chưa đạt được trong năm 2025, để kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được hoàn thành, các công việc trọng tâm cần phải thực hiện như sau:

+ Tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để giảm chi phí cố định đơn vị, sử dụng hiệu quả kinh tế theo quy mô để tối đa hóa lợi nhuận gộp. Giữ vững chất lượng sản phẩm bán ra và tăng cường chất lượng dịch vụ cung cấp để có thể bán hàng cạnh tranh tốt hơn với các đối thủ khác.

+ Tích cực thu hồi số công nợ tồn đọng từ những năm trước nhằm bù đắp số dự phòng phải thu khó đòi đã trích và hạn chế việc trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tới.

+ Xây dựng kế hoạch trả nợ cụ thể cho các nhà thầu xây lắp và các nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu.

+ Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc. sẵn sàng đối diện và hoàn thành tốt công việc trong môi trường cạnh tranh, áp lực cao. Cần có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự các cấp để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh. Kết hợp hài hòa biện pháp giáo dục, hành chính với biện pháp kinh tế (chính sách tiền lương, tiền thưởng) để động viên người lao động yên tâm làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động tự giác thực hiện nhiệm vụ của mình với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định về quản trị nội bộ, đặc biệt là tiếp tục việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, vật tư đối với từng công đoạn sản xuất kinh doanh; nghiên cứu xây dựng và đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí nội bộ.

Trên đây là toàn bộ báo cáo dự thảo tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty năm 2025, kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến chỉ đạo giải quyết các vấn đề trên và đưa ra các ý kiến xây dựng Phương án sản xuất kinh doanh năm 2026 tối ưu nhất giảm lỗ và lỗ lũy kế, khắc phục tình trạng mất cân đối vốn như hiện nay.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT;*
- *Trưởng ban KS;*
- *Lưu TCKT - VP.*

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Trưởng phòng

Vũ Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ	*Thanh Ba, ngày .... tháng ..... năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
(Đại hội họp theo thông báo triệu tập lần thứ .....)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xi măng Phú Thọ;

- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng thường niên năm 2026.

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Công ty CP xi măng Phú Thọ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: ***Các vấn đề được biểu quyết thông qua tại Đại hội:***

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí và biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày tại Đại hội, cụ thể như sau:

1.1. Nhất trí đồng ý thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, tại Báo cáo số ...../BC-HĐQT, ngày .... tháng ..... năm 2026 với kết quả biểu quyết nhất trí của ..... phiếu, bằng .....cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần dự họp tham gia biểu quyết.

1.2. Nhất trí đồng ý thông qua Báo cáo Hoạt động SXKD năm 2025, Kế hoạch SXKD năm 2026 tại Báo cáo số ...../BC-TGĐ ngày ....tháng .....năm 2026 với kết quả

biểu quyết nhất trí của ..... phiếu, bằng ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần dự họp tham gia biểu quyết.

1.2.1. Kết quả SXKD năm 2025 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Tờn chỉ tiờu	ĐVT	Kết quả thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh	
						Cựng kỳ	Kế hoạch năm
			(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)=3/1**	**(5)=3/2**
1	Mua clinker	Tấn	99.747	106.000	91.916	92,15	86,71
2	SX xi măng cỏc loại	Tấn	180.258	190.000	161.566	89,63	85,03
3	Tiờu thụ xi măng	Tấn	179.924	190.000	161.172	89,58	84,83
4	SX đỏ cỏc loại	m^3	61.791	96.000	59.739	96,68	62,23
5	Doanh thu	Tỷ.đ	159,641	167,123	152,636	95,61	91,33
6	Thu nhập bỡnh quõn người lao động	Tr.đ/ ng/th	5,8	7,2	6,5	112,07	90,28
7	Đúng bảo hiểm	%NLĐ	100	100	100	100	100
8	Kết quả SXKD lói (lỗ)	Tỷ.đ	(2,395)	(35,685)	(42,338)	-1.767,8	-1.186,4

1.2.2. Kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Tờn chỉ tiờu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2026
I	Sản lượng sản xuất		
1	Clinker mua	Tấn	69.376
2	Xi măng các loại	Tấn	120.000
3	Đá các loại	m^3	20.000
II	Sản lượng tiêu thụ		
1	Xi măng các loại	Tấn	120.000
III	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm	Tỷ. đ	117.552
IV	Thu nhập bình quân người lao động	Tr.đ/ng/th	6,8
V	Kết quả SXKD: Lãi (Lỗ)	Tỷ. đ	(43,936)

1.3. Nhất trí đồng ý thông qua Báo cáo kết quả SXKD và tình hình tài chính năm 2025, phương án sản xuất kinh doanh năm 2026, tại Báo cáo số ...../XMPT-TCKT, ngày .... tháng .... năm 2026, với kết quả biểu quyết nhất trí của ..... phiếu, bằng ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần dự họp tham gia biểu quyết.

1.4. Nhất trí đồng ý thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025, tại Báo cáo số ...../2026/BC-BKS ngày ..... tháng ..... năm 2026, với kết quả biểu quyết nhất trí của ..... phiếu, bằng ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần dự họp tham gia biểu quyết.

1.5. Nhất trí đồng ý Tờ trình số ...../TT-BKS ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Ban Kiểm soát giới thiệu *"Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026"*, với kết quả biểu quyết nhất trí của ..... phiếu, bằng ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần dự họp tham gia biểu quyết.

1.6. Nhất trí đồng ý thông qua Tờ trình số ...../TTr-HĐQT ngày ..... tháng ..... năm 2026 *"Về chi phí, mức thù lao của HĐQT, thư ký HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2026"*, với kết quả biểu quyết nhất trí của ..... phiếu, bằng ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần dự họp tham gia biểu quyết.

Điều 2. ***Trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết:***

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho HĐQT, chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện linh hoạt và có hiệu quả tốt nhất các nội dung Nghị quyết này. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểam tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua, ... % các đại biểu có mặt dự họp biểu quyết nhất trí. Nghị Quyết có hiệu lực ngay sau khi Đại hội biểu quyết thông qua. Hội đồng quản trị, có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết vào phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kế tiếp.

<u>Nơi nhận</u>:
- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (b/c);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Websile công ty;
- Lưu Công ty;

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI